

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 08/2019/HN-ST

Ngày: 29/01/ 2019

V/v “Ly hôn mâu thuẫn gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Liêm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Đoan
2. Ông Hoàng Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thùy– Kiểm sát viên.

Ngày 29/01/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 410/2018/TLST- HNGĐ ngày 16/10/2018 về việc “Ly hôn mâu thuẫn gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/01/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Xuân H, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: tổ N, ấp T, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H₁, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ L, ấp Q, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Xuân H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị H₁ kết hôn với nhau năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, cuộc sống thường ngày nảy sinh nhiều vấn đề tranh cãi. Từ tháng 9/2016 thì anh H và chị H₁ không còn sống chung với nhau, không ai

quan tâm hay hỏi han gì đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được Anh Hiếu yêu cầu được ly hôn với chị H₁.

Về con chung: trong thời gian sống chung, anh Hiếu và chị H₁ chưa có con

Về tài sản chung: Anh Hiếu không yêu cầu tòa án giải quyết, anh sẽ tự thỏa thuận với chị H₁.

Nợ chung: Anh Hiếu và chị H₁ không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:***

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H₁ không đến tòa án để giải quyết vụ án mặc dù tòa án đã gửi đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị H₁ hợp lệ nhưng Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của chị về việc anh H có đơn yêu cầu được giải quyết ly hôn với chị H₁.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu:***

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Xuân H với chị Nguyễn Thị Thu H₁. Về tài sản do anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Trong vụ án này, anh Lê Xuân H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H giải quyết cho ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H₁ hiện cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Kể từ ngày thụ lý đơn ly hôn của anh Lê Xuân H, Tòa án nhân dân huyện H Quản đã gửi và tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng theo qui định của bộ luật

tổ tụng dân sự cho bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu H₁ nhưng chị H₁ vẫn không đến tòa án để giải quyết vụ án đồng thời chị H₁ cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của chị về yêu cầu ly hôn của anh H cho tòa án.

Đối chiếu với khoản 1 điều 207, điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự có căn cứ xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: anh Lê Xuân H xác nhận anh và chị H₁ đã đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào các tài liệu mà anh H cung cấp cho Tòa án là giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) số 01/2012 ngày 04/01/2012 do UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước ban hành xác định anh H và chị H₁ đã thực hiện đầy đủ các quy định của luật hôn nhân gia đình năm 2000 tại điều 11,12

Tại phiên tòa, anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị giải quyết cho ly hôn với chị H₁.

Căn cứ vào biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của anh Lê Xuân H và chị Nguyễn Thị Thu H₁ ngày 18/12/2018 có xác nhận của UBND xã T, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định thực tế anh H và chị H₁ không còn chung sống với nhau đã 2 năm, Trước khi anh H gửi đơn đến tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn, anh H cũng đã thông báo cho chị H₁ biết và chị H₁ cũng đã được tòa án triệu tập nhiều lần đến tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng chị H₁ không đến điều này cho thấy quan điểm của chị H₁ không quan tâm đến việc tòa án có giải quyết cho ly hôn hay không cho ly hôn. Với thời gian 2 năm dù ở cùng một địa phương nhưng không có sự liên hệ qua lại với nhau cho thấy mục đích của hôn nhân giữa anh H và chị H₁ không đạt được căn cứ cho ly hôn.

Về con chung: không có không xem xét.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa, anh H không yêu cầu tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nợ chung: Anh H xác định anh H và chị H₁ không có nợ chung nên không xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Anh Lê Xuân H phải chịu số tiền 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Xuân H

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Xuân H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H₁.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2011 ngày 04/01/2012 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản chung: anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Anh Lê Xuân H phải chịu số tiền 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004988 ngày 16/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với bị đơn, do vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện H;
- THA huyện H;
- Đường sự;
- UBND xã T
- Lưu HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Lê Thành Liêm